TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-DS	*K, ngày 13 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05/6/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 25/4/2023 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Trần Thị N, sinh năm 1956.

Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh H.

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1969.

HKKT: Thị trấn K, huyện K, tỉnh H; Hiện ở: Thôn A, xã A1, huyện K, tỉnh H.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1964; HKKT: Thị trấn K, huyện K, tỉnh H; Hiện ở: Thôn A, xã A1, huyện K, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. ***Về công nợ***: Tính đến hết ngày 27/3/2023 (dương lịch), vợ chồng bà H1 và ông T còn nợ bà N số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. ***Phương án trả nợ***: Chậm nhất trong thời hạn 02 năm (tức chậm nhất đến ngày 05/6/2025 - tính theo dương lịch) bà H1 và ông T có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ số nợ gốc 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cho bà N, riêng tiền lãi từ thời điểm trước đến nay bà N không yêu cầu, theo phương án cụ thể như sau:

- Lần 1: Chậm nhất là đến ngày 05/12/2023 (dương lịch) bà H1, ông T phải trả bà N số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

- Lần 2: Chậm nhất là đến ngày 05/6/2024 (dương lịch) bà H1, ông T phải trả bà N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

- Lần 3: Chậm nhất là đến ngày 05/12/2024 (dương lịch) bà H1, ông T trả bà N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

- Lần 4: Chậm nhất là đến ngày 05/6/2025 (dương lịch) bà H1, ông T phải trả bà N số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bà H1, ông T vi phạm phương án, thời hạn trả nợ trong các lần như đã thỏa thuận trên thì bà N có quyền yêu cầu thi hành án số tiền còn nợ đối với từng lần vi phạm. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu bà H1, ông T không trả tiền nợ trên thì bà H1, ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: **N**guyên đơn bà N, bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T thống nhất: Bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T có trách nhiệm liên đới chịu 100% án phí dân sự. Cụ thể như sau:

- Nguyên đơn bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ 8.750.000đ (Tám triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.

Thẩm phán

- TAND tỉnh H.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Tiến Tr